TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:74/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2021
V/v: Ly hôn, con chung, chia tài sản và công nợ giữa anh H và chị V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Trần Văn Kiêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Én - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2020/TLST–HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, nuôi con chung và tranh chấp chia tài sản, nợ khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Vũ Văn Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 12, xã Hải AB, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

2. Anh Đinh Văn C, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

3. Ông Bùi Văn L, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

4. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm 11, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

5. Bà Mai Thị V (tức Lụa), sinh năm 1946; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

6. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. "vắng mặt".

7. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định."Có mặt".

8. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm Trần Đồng, xã Hải T, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. ."Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-9-2020 và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 27-11-2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Mai Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị V trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26-11-1999 tại Ủy ban nhân dân xã Hải I, huyện Hải Hậu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhà với mẹ đẻ của anh, khoảng 01 năm. Năm 2000 vợ chồng vào trong tỉnh Đắk Nông làm kinh tế đến năm 2013 thì trở về xã Hải I mua nhà đất sinh sống. Đến năm 2019 vợ chồng lại bán nhà đất về nhà mẹ đẻ là bà Mai Thị V xây nhà, sau khi xây nhà ở xong thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, nhiều lần xảy ra xô sát. Từ tháng 9-2020 đến nay, mặc dù sống chung một nhà, nhưng anh và chị V ít khi nói chuyện, không quan tâm đến công việc của nhau. Anh xác định vợ chồng sống không có hạnh phúc nên anh yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị V.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mai Thị Ph, sinh ngày 21-02-2001 hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Cháu Mai Thị H, sinh ngày 19-7-2008, đến nay cháu H có nguyện vọng xin được ở với chị V anh hoàn toàn nhất trí và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện cháu H đang ở cùng với anh chị.

Về tài sản chung: Do mẹ anh chỉ có một mình anh là con trai duy nhất nên sau khi vợ chồng anh bán nhà đất và được sự nhất trí của mẹ anh là bà V nên vợ chồng anh đã về xây nhà trên diện tích đất 165m^2 của mẹ anh, để mẹ con gần nhau. Vợ chồng có xây 01 căn nhà hai tầng khép kín và 01 nhà mái bằng 01 tầng xây trên diện tích đất 165m^2 tại tờ bản đồ số 37, thửa 76 có vị trí tại xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị V, bản chính giấy chứng nhận đã nộp lại cho Uỷ ban nhân dân xã Hải I để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận). Các tài sản khác gồm có: 01 tivi SAMSUNG 43inch, 01 máy lọc nước NAKAMI và 16 cây sanh cảnh.

Khi ly hôn, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh yêu cầu chia nhà hai tầng mỗi người một tầng, còn nhà một tầng để mẹ anh bà Mai Thị V sử dụng, do hai căn nhà xây trên diện tích đất của mẹ anh; công nợ chung và các các tài sản khác đề nghị chia đôi. Khi nào anh có điều kiện kinh tế anh sẽ mua lại phần được chia

của chị V. Về diện tích đất là của mẹ, đến nay mẹ anh không nhất trí chia tách cho ai nên đề nghị giữ nguyên diện tích đất này.

Về nợ: Trong quá trình xây nhà, vợ chồng còn nợ các khoản nợ sau: Nợ anh Vũ Văn Th 16.521.000đ tiền sơn nhà, nợ anh Đinh Văn C 2,5 chỉ vàng 24k, nợ ông Bùi Văn Lưu 9.000.000đ tiền công làm nhà, nợ anh Nguyễn Văn Quân 10.000.000đ tiền mua gạch, nợ bà Mai Thị V 47.000.000đ, nợ ông Nguyễn Văn D 5.400.000đ tiền thiết bị điện, nợ chị Nguyễn Thị K 35.000.000đ và nợ chị Nguyễn Thị Th 10 chỉ vàng 24k.

Bị đơn, chị Nguyễn Thị V đã có bản tự khai và trong quá trình tố tụng, chị V trình bày: Chị xác nhận lời khai của anh H về thời gian tìm hiểu, kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị là do anh H đã có hành vi không chung thủy, chị đã khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi, nhiều lần có lời lẽ xúc phạm chị. Mặc dù, vợ chồng chị có mâu thuẫn nhưng chị không nhất trí ly hôn và mong anh H suy nghĩa lại, vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung, chị cũng nhất trí như anh H trình bày, vợ chồng có hai con chung con lớn là Mai Thị Ph, sinh ngày 21-02-2001 hiện đã trưởng thành, con nhỏ Mai Thị H, sinh ngày 19-7-2008. Nếu phải ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Mai Thị H và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị mỗi tháng 1.000.000đ. Hiện hai con đang ở cùng anh chị.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng có các tài sản chung và các khoản nợ chung như anh H trình bày. Hiện nay nhà vợ chồng anh chị xây trên thổ đất vẫn còn đứng tên của bà Mai Thị V (mẹ đẻ anh H), chị đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà và đất cho anh H sở hữu, sử dụng để anh H có trách nhiệm trả các khoản nợ và thanh toán chênh lệch cho chị. Về 16 cây sanh cảnh, 01 ti vi SAMSUNG 43inch và 01 máy lọc nước chị đề nghị Tòa án giao cho chị sở hữu và sử dụng và đối trừ vào tài sản anh H phải trả cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị V trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Mai Văn H (anh H là con duy nhất của bà). Năm 2019, được sự đồng ý của bà, vợ chồng anh H, chị V đã rỡ nhà cũ của bà và xây dựng ngôi nhà mới trên toàn bộ diện tích đất của bà hiện nay. Sau khi xây nhà bà vẫn để cho vợ chồng anh H sử dụng, đến nay do vợ chồng mâu thuẫn anh H xin ly hôn chị V, bà rất mong muốn vợ chồng anh H, chị V đoàn tụ nhưng nếu không đoàn tụ được thì diện tích đất vợ chồng anh H, chị V xây nhà là của bà, bà không cho ai, sau này ai chăm sóc bà lúc ốm đau thì bà sẽ cho người đó. Ngoài ra, trong quá trình làm nhà vợ chồng anh H, chị V có vay của bà 47.000.000đ, bà đề nghị được đối trừ vào số tiền vợ chồng anh H, chị V đã xây nhà ở cho bà.

Tại bản tự khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Vũ Văn Thuận, anh Đinh Văn C, ông Bùi Văn L, anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị K, chị Nguyễn Thị Th đều thống nhất trình bày. Trong quá trình làm nhà, vợ chồng anh H, chị V còn nợ anh Thuận 16.521.000đ, ông Cường 2,5 chỉ vàng 24k, ông Lưu 9.000.000đ tiền công thợ, nợ anh Quân 10.000.000đ tiền gạch xây nhà, nợ ông D 5.400.000đ tiền thiết bị điện, nợ chị Khuyên 35.000.000đ và nợ chị Thắm 10 chỉ vàng 24k. Nay vợ chồng anh H, chị

V ly hôn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án buộc anh H, chị V phải trả toàn bộ số nợ trên cho họ.

Tại phiên tòa:

- Anh H trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V, con chung anh và chị V nhất trí thỏa thuận giao cháu Mai Thị H cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V mỗi tháng 1.000.000đ. Về ngôi nhà 2 tầng anh đề nghị chia đôi mỗi người một tầng, nhà mái bằng 01 tầng hiện nay mẹ anh đang sử dụng vẫn tiếp tục để mẹ sử dụng. 16 cây sanh cảnh và các tài sản khác anh đề nghị chia đôi và anh xin được nhận bằng hiện vật. Còn về phần đất hiện nay vợ chồng anh xây nhà nhưng đất vẫn là của mẹ anh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mẹ anh, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật, ai ở thì thanh toán tiền đất cho bà V. Về công nợ anh đề nghị chia đôi mỗi người trả nợ một nửa.

- Chị V trình bày: Về hôn nhân chị nhất trí ly hôn, con chung chị nhất trí như trình bày của anh H. Về ngôi nhà 2 tầng mà vợ chồng chị xây trên đất của bà Mai Thị V, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Mai Thị V, chị đề nghị giao tài sản là nhà cho anh H quản lý, sử dụng, anh H có trách nhiệm trả các khoản nợ và thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị nếu anh H không đồng ý đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. 16 cây sanh cảnh, 01 ti vi và 01 máy lọc nước chị đề nghị được nhận và đối trừ với số tiền anh H trả chênh lệch cho chị.

- Chị Khuyên và chị Thắm vẫn giữ nguyên đề nghị như đã trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Văn H: Cho ly hôn giữa anh H và chị V. Về con chung: giao cháu Mai Thị Hằng cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V mỗi tháng 1.000.0000đ. Về tài sản chung: Xác định anh H và chị V có đóng góp ngang nhau nên đề nghị chia đôi tài sản chung của vợ chồng nhưng để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt cho hai bên và nguyện vọng của đương sự cần chia toàn bộ nhà đất cho anh H được quyền sở hữu căn nhà hai tầng và sử dụng diện tích đất 165m^2 tại tờ bản đồ số 37, thửa 76 có vị trí tại xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đứng tên mẹ đẻ là bà Mai Thị V; chia cho chị V được quyền sở hữu 16 cây sanh cảnh, 01 ti vi và 01 máy lọc nước. Về nợ: Xác định các khoản nợ các bên đã khai và thống nhất giao trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho anh H. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Vũ Văn Th, ông Đinh Văn C, ông Bùi Văn L, anh Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn D đã có đơn hoặc lời khai xin được vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V đăng ký kết hôn ngày 26-11-1999 tại Ủy ban nhân dân xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm, thiếu tôn trọng lẫn nhau nên nhiều lần xảy ra xô xát cãi chửi nhau. Từ tháng 9-2020 đến nay, mặc dù vẫn sống chung nhà với nhau nhưng anh H và chị V không quan tâm đến cuộc sống của nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn chung sống đoàn tụ. Nay anh H xin ly hôn, chị V cũng nhất trí.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V có 02 con chung là cháu Mai Thị Phượng, sinh ngày 21-02-2001 hiện đã trưởng thành nên hai bên không yêu cầu giải quyết việc nuôi con khi ly hôn. Cháu Mai Thị H, sinh ngày 19-7-2008. Khi ly hôn anh H, chị V đã thỏa thuận được việc nuôi dưỡng cháu Hằng cụ thể, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Thị H, anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị V mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét việc nuôi dưỡng cháu Mai Thị H của chị Nguyễn Thị V thì thấy, chị V đang có công việc và thu nhập ổn định, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với chị V, anh H cũng nhất trí. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu H, cần giao cháu Hằng cho chị V nuôi dưỡng trực tiếp là phù hợp và cần buộc anh Mai Văn H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị V mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 4 năm 2021 và anh H được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh H thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung:

[4.1] Anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V trình bày, vợ chồng có 01 nhà hai tầng khép kín và 01 nhà mái bằng một tầng và 02 dại tôn xây trên diện tích đất 165m^2 tại tờ bản đồ số 37, thửa số 76 có vị trí tại xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai Thị V là mẹ đẻ của anh H. Các tài sản khác gồm có: 01 tivi SAMSUNG 43inch, 01 máy lọc nước NAKAMI và 16 cây sanh cảnh.

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá huyện Hải Hậu ngày 14-01-2021 đã kết luận: Giá trị của nhà 02 tầng, nhà 01 tầng và hai dại tôn là 605.280.000đ (trong đó phần nhà 02 tầng do vợ chồng anh H, chị V quản lý có trị giá 505.300.000đ, phần nhà 01 tầng do bà V quản lý có trị giá 99.980.000đ), 01 tivi SAMSUNG 43inch trị giá 4.000.000đ, 01 máy lọc nước NAKAMI có trị giá 3.000.000đ và 16 cây sanh cảnh có trị giá 120.000.000đ. Như vậy, khối tài sản chung của anh H, chị V có tổng trị giá là 732.280.000đ (Bảy trăm ba mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng). Giá trị đất đứng tên bà Mai Thị V có trị giá 1.800.000đ x 165m^2 = 297.000.000đ.

[4.2] Xét thấy các đương sự xác nhận nhà và các tài sản khác đây là tài sản chung của vợ chồng được hình thành trong thời kỳ hôn là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ. Anh H và chị V cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh công sức đóng góp của các bên trong việc tạo lập khối tài sản chung. Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình xác định anh H và chị V có công sức ngang nhau nên mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản chung là phù hợp. Còn về phần đất anh H và chị V đều xác nhận là của bà Mai Thị V và đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

[4.3] Xét yêu cầu chia tài sản là hiện vật của các đương sự thì thấy: Anh Mai Văn H yêu cầu chia nhà và các tài sản khác của vợ chồng mỗi người một nửa. Chị V đề nghị giao tài sản là nhà của vợ chồng cho anh H quản lý, sử dụng, anh H có trách nhiệm trả các khoản nợ và thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị. Ngoài ra, chị V đề nghị được chia toàn bộ 16 cây sanh cảnh, 01 ti vi, 01 máy lọc nước và đối trừ vào số tiền anh H phải trả cho chị. Bà Mai Thị V trình bày, do vợ chồng anh H, chị V xây nhà trên đất của bà V, bà V chưa cho đất vợ chồng anh H, chị V. Đến nay, bà V chỉ nhất trí chia nhà cho vợ chồng anh H, nhưng không nhất trí chia tách thổ đất của bà V cho ai. Mặt dù, lời khai của các đương sự là không thống nhất cách chia, phần lớn các đề nghị chia tài sản của anh H và bà V không hợp lý, gây khó khăn cho việc sở hữu, sử dụng tài sản và thi hành án sau này, bởi lẽ nếu chia nhà mỗi người một tầng, người sử dụng tầng 2 sẽ không có lối đi nên tầng 2? Đường điện, đường nước, sinh hoạt hàng ngày không thể thực hiện được. Nhà gắn liền với đất nếu giao nhà mà không giao đất thì căn nhà đó cũng không có giá trị gì. Do vậy, để đảm bảo bản án được thi hành triệt để cần giao toàn bộ nhà, đất cho anh Mai Văn H, để anh H sở hữu, sử dụng và trả toàn bộ nợ chung của vợ chồng, thanh toán trị giá đất cho bà V và trả chệnh lệch chia tài sản chung cho chị V là phù hợp quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Về 16 cây sanh cảnh đã được đánh số thứ tự từ 1 đến 16 và định giá có tổng giá trị là 120.000.000đ, các tài sản khác gồm 01 tivi SAMSUNG 43inch trị giá 4.000.000đ, 01 máy lọc nước NAKAMI trị giá 3.000.000đ đây là tài sản có thể di dời được nên cho chị V sở hữu, sử dụng và đối trừ vào số tiền anh H phải trả chênh lệch cho chị V như đề nghị của chị V là phù hợp.

[5] Về nghĩa vụ về tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V cùng thống nhất trình bày, vợ chồng anh H, chị V xây nhà nên còn nợ anh Vũ Văn Th 16.521.000đ tiền sơn

nhà, nợ anh Đinh Văn C 2,5 chỉ vàng 24k, nợ ông Bùi Văn L 9.000.000đ tiền công làm nhà, nợ anh Nguyễn Văn Q 10.000.000đ tiền mua gạch, nợ bà Mai Thị V 47.000.000đ, nợ ông Nguyễn Văn D 5.400.000đ tiền thiết bị điện, nợ chị Nguyễn Thị Khuyên 35.000.000đ và nợ chị Nguyễn Thị Thắm 10 chỉ vàng 24k. Tổng cộng 122.921.000đ và 12,5 chỉ vàng 24k. Lời khai của anh H, chị V phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần xác nhận đây là nợ chung của anh H, chị V theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh H nhận tài sản có giá trị lớn của vợ chồng nên phải trả nợ là phù hợp quy đinh pháp luật.

Giá vàng 24k tại thời điểm hiện nay (thời điểm xét xử sơ thẩm) là 5.200.000đ/1 chỉ x 12,5 chỉ vàng 24k = 65.000.000đ.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc đất và định giá tài sản là 3.000.000 đồng, do nguyên đơn làm đơn nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Mai Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí chia tài sản chung theo giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được chia.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 59, 60, 62, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Thị H, sinh ngày 19-7-2008 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp ,nuôi dưỡng đến khi cháu H đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình. Anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị V mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 4-2021 và được quyền thăm nom con chung, không ai được gây khó khăn cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản:

3.1. Chia cho anh Mai Văn H được quyền sử dụng 165m^2 đất (loại đất ở) thuộc tờ bản đồ số 37, thửa 76 có vị trí tại xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đứng tên bà Mai Thị V có trị giá 297.000.000đ và được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà xây hai tầng khóp kín, 01 nhà mái bằng 01 tầng và hai dại tôn có trị giá 605.280.000đ. Tổng cộng là 902.280.000đ (Chín trăm linh hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Buộc anh Mai Văn H phải trả các khoản nợ sau: Trả nợ anh Vũ Văn Th 16.521.000đ, trả nợ anh Đinh Văn C 2,5 chỉ vàng 24k, trả nợ ông Bùi Văn L 9.000.000đ, trả nợ anh Nguyễn Văn Q 10.000.000đ, trả nợ bà Mai Thị V 47.000.000đ và 297.000.000đ (trị giá đất), trả nợ ông Nguyễn Văn D 5.400.000đ, trả nợ chị Nguyễn Thị K 35.000.000đ và trả nợ chị Nguyễn Thị Th 10 chỉ vàng 24k.

Buộc anh Mai Văn H phải thanh toán chênh lệch chia tài sản cho chị Nguyễn Thị V số tiền 145.179.500đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.2. Chia cho chị Nguyễn Thị V được quyền sở hữu 16 cây sanh cảnh trị giá 120.000.000đ, 01 tivi SAMSUNG 43inch trị giá 4.000.000đ, 01 máy lọc nước NAKAMI có trị giá 3.000.000đ

Chị Nguyễn Thị V được nhận thanh toán chênh lệch chia tài sản của anh Mai Văn H là 145.179.500đ (Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng).

3.3. Anh Mai Văn H có trách nhiệm kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo quyết định của bản án tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai.

3.4. Nghĩa vụ bàn giao:

Anh Mai Văn H có trách nhiệm bàn giao cháu Mai Thị H cho chị Nguyễn Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Mai Văn H có trách nhiệm bàn giao 16 cây sanh cảnh, 01 ti vi SAMSUNG 43inch và 01 máy lọc nước NAKAMI cho chị Nguyễn Thị V sở hữu, sử dụng.

Chị Nguyễn Thị V có trách nhiệm bàn giao nhà cho anh H để anh H thực hiện đầy đủ, các quyền lợi, nghĩa vụ đối với tài sản được giao.

Bà Mai Thị V có trách nhiệm bàn giao diện tích 165m^2 đất thuộc tờ bản đồ số 37, thửa 76 có vị trí tại xóm 9, xã Hải I, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Mai Thị V theo quyết định của bản án cho anh Mai Văn H, để anh H thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ đối với tài sản được giao.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Mai Văn H phải nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 3.000.000 đồng; xác nhận anh H đã nộp tạm tạm ứng và chi xong.

5. Về án phí:

Căn cứ các khoản 2, 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Mai Văn H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại biên lai số AA/2017/0002434 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh Mai Văn H được hoàn lại 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Về án phí chia tài sản: Anh Mai Văn H và chị Nguyễn Thị V mỗi người phải nộp 13.609.000đ (Mười ba triệu sáu trăm linh chín nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự: 10 bản;
- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Hải Hậu: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã Hải I: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga